

Bản án số: 518/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 02/6/2023  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thu Vân.

2. Bà Đặng Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1146/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị T; Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Thị trấn D, huyện D, tỉnh L; Địa chỉ tạm trú: Căn số 1.01 Lô G chung cư Đ, Phường B, Quận T, Thành phố H.

**2. Bị đơn:** Ông Đồng Văn A; Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Thị trấn D, huyện D, tỉnh L; Địa chỉ tạm trú: Căn số 1.01 Lô G chung cư Đ, Phường B, Quận T, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà và ông Đồng Văn A có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Mâu thuẫn gia đình xảy ra nguyên nhân là do ông bà bất đồng về quan điểm lối sống. Bà đã không còn tình cảm gì với ông Đồng Văn A nên bà kiên quyết xin được ly hôn với ông A. Hiện tại tình cảm gia đình đã rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa.

Về con chung có 02 con chung tên Đồng Hoàng Đan T sinh ngày 26/10/1997 và Đồng Hoàng Thái B sinh ngày 01/8/2004. Các cháu đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Đồng Văn A trình bày:

Ông xác định ông vẫn không hiểu tại sao bà T lại muốn ly hôn với ông, hiện tại ông vẫn còn tình cảm với bà T rất nhiều nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà T kiên quyết xin ly hôn thì tùy bà T.

Về con chung có 02 con chung tên Đồng Hoàng Đan T sinh ngày 26/10/1997 và Đồng Hoàng Thái B sinh ngày 01/8/2004. Các cháu đã trưởng thành.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Các đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về quá trình tố tụng**

Xét đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị T thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bà Hoàng Thị T có đề nghị không tiến hành hòa giải nên căn cứ vào Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Xét nguyên đơn bà Hoàng Thị T và bị đơn ông Đồng Văn A có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

#### **[2] Về các yêu cầu của đương sự**

Xét việc bà Hoàng Thị T và ông Đồng Văn A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D huyện D tỉnh L, theo giấy chứng nhận kết hôn số 011 đăng ký ngày 12/3/1998 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét công văn số 128/UBND-HT ngày 13/03/2023 của Ủy ban nhân dân phường B Quận T về việc phúc đáp kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng đã xác định Ủy ban nhân dân phường B Quận T không tiếp nhận và giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hoàng Thị T và ông Đồng Văn A.

Xét yêu cầu của bà T kiên quyết xin được ly hôn với ông A do bà T không còn tình cảm với ông A, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặc khác, ông A tuy không đồng ý ly hôn nhưng ông xác định nếu bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì tùy bà T và ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án. Điều này chứng tỏ ông A không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng đã rạn nứt, bỏ mặc việc hoà giải để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về con chung: Đương sự xác định có 02 con chung tên Đồng Hoàng Đan T sinh ngày 26/10/1997 và Đồng Hoàng Thái B sinh ngày 01/8/2004. Con chung đã trưởng thành.

Xét về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Đồng Văn A.

2. Về con chung: Đương sự xác định có 02 con chung tên Đồng Hoàng Đan T sinh ngày 26/10/1997 và Đồng Hoàng Thái B sinh ngày 01/8/2004. Con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017705 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Nhã**